

60 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

07/5/1954 - 07-5/2014

ĐIỆN BIÊN PHỦ - ĐỘC ĐÁO QUÂN SỰ VIỆT NAM

Từ nghìn đời nay, Việt Nam là một xã hội nông nghiệp lúa nước - xóm làng, với nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu. Cho nên, vào những năm 50 của thế kỷ trước, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chỉ có những gia đình nông dân khá giả, bên cạnh “con trâu là đầu cơ nghiệp” mới có được một chiếc xe đạp. Đó cũng là tài sản quý giá nhất. Thế nhưng, vì lòng yêu nước, người dân đã sẵn sàng đem xe đạp ra trận, cải tiến thành xe đạp thồ để vận chuyển, tiếp tế cho tiền tuyến mà không có bất cứ phương tiện nào có thể sánh kịp. Trên địa hình rừng núi hiểm trở, chỉ cần một mét chiều ngang là xe đạp có thể đi được.

Khái niệm “xe đạp thồ” cũng ra đời từ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Nó đã đóng góp quan trọng vào chiến thắng, đã trở thành “vua vận tải” cho trận đánh lớn này. Vì thế mà chiếc tay cầm nối dài của xe đạp thồ được gọi tên là “tay ngai” (chỉ vua thì mới có “ngai”).



Đại tướng Võ Nguyên Giáp khen ngợi đơn vị pháo cao xạ 367 ra quân đánh thắng trận đầu, lập công xuất sắc. Ảnh tư liệu.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội và dân công của ta sử dụng hơn 21.000 chiếc xe đạp thồ, được gọi với tên là “binh chủng xe đạp thồ” hoạt động trên suốt chiều dài gần 1.500km. Lực lượng xe đạp thồ được biên chế thành từng đoàn theo địa

phương, mỗi đoàn có nhiều trung đội, mỗi trung đội có từ 30 đến 40 xe, chia thành các nhóm khoảng 5 xe, để hỗ trợ cho nhau khi qua đèo, vượt dốc cao. Mỗi đoàn xe thồ có một xe chuyên chở phụ tùng thay thế, sửa chữa dọc đường.

Một chiếc xe đạp thồ có sức chở trung bình từ 200 đến 300kg, tương đương sức mang vác của 5 người, tốc độ nhanh hơn và có thể vận chuyển được các vật tư công kênh, chất lỏng (xăng, dầu), đi được trên nhiều loại đường, địa hình khác nhau mà ô tô không thể đi lại được. Ưu điểm của loại phương tiện này là không cần nhiên liệu, dễ sửa chữa, dễ nguy trang, có thể đi lẻ hoặc thành đoàn trong mọi điều kiện thời tiết.



**Kéo pháo ở Chiến dịch Điện Biên Phủ.
Ảnh tư liệu.**

Để có thể thồ được một khối lượng lớn, từ một chiếc xe đạp, dân công, bộ đội buộc thêm vào ghi-đông một đoạn tre nhỏ, dài khoảng một mét vào ghi-đông, gọi là “tay ngai” để điều khiển xe, buộc vào trục yên xe một đoạn tre, cao hơn yên khoảng 50cm để cầm, vừa giữ thẳng bằng xe, vừa đẩy xe đi, tăng độ cứng của khung xe bằng cách hàn thêm sắt, buộc thêm gỗ, dùng vải, quần áo cũ, sơm cũ... để “gia cố”, tăng thêm độ bền của sơm, lốp. Thời gian đầu, mỗi xe thồ chỉ

chở được 80-100kg, sau trọng tải được tăng dần lên, nhờ các sáng kiến cải tiến giá, buộc. Hai chiếc xe thồ “gá” lại, có thể chở được hai thương binh nặng (nằm) hoặc bốn thương binh nhẹ (ngồi). Các xe đạp có đèn phát điện còn được sử dụng để tạo ánh sáng, phục vụ cho các bác sĩ phẫu thuật trong đêm... “Kỷ lục” vận chuyển bằng xe đạp thồ thuộc về chiến sĩ dân công Ma Văn Thắng (đoàn Phú Thọ) có chuyến chở tới 352kg hàng.

Hiện nay, ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (216 phố Trần Quang Khải, Hà Nội) phần cận - hiện đại đang trưng bày và giới thiệu chiếc xe đạp thồ của ông Bùi Tín, quê ở Thanh Hóa, như một minh chứng lịch sử hùng hồn về binh chủng xe đạp thồ trong Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Đầu năm 1954, như bao dân công khác, ông Bùi Tín tình nguyện mang theo chiếc xe đạp thồ phục vụ chiến dịch. Lúc mới chở, mỗi người chỉ thồ được 80kg hàng, sau đó, đồng viên nhau tăng thêm trọng lượng và khi thồ được 200kg thì ít người tin là có thể nâng lên nặng hơn được nữa vì gặp nhiều khó khăn. Thế nhưng ông bàn với anh em sửa lại xe đạp cho chắc, làm thêm giá đồng thời tập luyện cách di chuyển cho thành thạo, sẵn sàng giúp đỡ nhau... và chính ông đưa mức trọng tải thồ, lúc cao nhất, lên tới 213kg.

Nói về lực lượng vận tải thô sơ này, trong cuốn “Trận Điện Biên Phủ”, nhà báo Pháp Jules Roy đã viết: “Đã có hàng trăm tấn bom được ném xuống các tuyến giao thông và những con đường tiếp vận của Quân đội nhân dân Việt Nam nhưng chẳng bao giờ cắt đứt nổi những con đường ấy... Tướng Na-va bị thua chính là những chiếc xe đạp thồ, với những kiện hàng từ 200 đến 320kg, được điều khiển bởi những con người ăn không thật no, và ngủ thì nằm ngay trên những mảnh ni lông trải dưới đất”.

Đội quân xe đạp thồ xuất hiện ở Điện Biên Phủ là một điều kỳ diệu chưa từng có trong lịch sử chiến tranh, không chỉ ở Việt Nam mà cả lịch sử chiến tranh thế giới. Đây là minh chứng sinh động cho tinh thần và ý chí quyết tâm, không có gì lay chuyển được của một dân tộc trên con đường tìm lại độc lập tự do.

Như vậy, qua những phần vừa trình bày, chúng ta đã thấy được, đội quân xe đạp thồ đã góp một phần quan trọng vào việc vận lương cho quân ta ở Điện Biên Phủ, đồng thời cũng là góp phần không nhỏ, giúp bộ đội chủ lực ta triệt đường vận lương bằng máy bay của không quân địch.



Bộ đội ta áp giải tù binh trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đờ Cát đã từng nói: Tập đoàn cứ điểm mà ông ta đang chỉ huy “có dáng dấp một Véc-đơong, nhưng không có con đường thiêng liêng”. “Con đường thiêng liêng” mà ông ta nói ở đây là đoạn đường mà trong trận Véc-đơong năm 1916, tướng Pê-tanh của quân Pháp đã sử dụng để điều khiển 3.900 xe vận tải, ngày đêm chuyển đạn dược, lương thực, thuốc men từ hậu phương ra tiền tuyến. Nhờ có đoạn đường này, từ cuối tháng 2 năm 1916 cho đến khi chiến trận kết thúc, cứ mỗi tuần lễ, lại có 190.000 binh lính, 25.000 tấn

đạn dược và quân trang, quân dụng được đưa ra phía trước. Trong lịch sử chiến tranh, lần đầu tiên có cuộc vận chuyển quy mô lớn như vậy.

Nhưng điều Đờ Cát nói chỉ đúng có một phần bởi vì “con nhím khổng lồ” của ông ta hoàn toàn bị cô lập trên mặt đất. Chắc ông ta chưa quên sự khăng định của Tổng chỉ huy Na-va rằng, Điện Biên Phủ “có một trong những sân bay tốt nhất ở Đông Nam Á, một đầu cầu hàng không tuyệt hảo” để nối liền hậu phương chiến lược với Điện Biên Phủ, nối liền các sân bay Gia Lâm (Hà Nội), Cát Bi (Hải Phòng) với các sân bay Mường Thanh, Hồng Cúm. Nhưng “con đường thiêng liêng” trên mặt đất năm 1916 không bao giờ bị quân Đức đánh chiếm, thì tại Điện Biên Phủ từ sau ngày 25 tháng 4 trở đi, “con đường thiêng liêng” trên không trung của quân Pháp đã bị cắt đứt hoàn toàn, nghĩa là bị cắt đứt tất cả mọi công việc tăng viện và tiếp tế của địch bằng cầu hàng không, sau khi quân ta tiêu diệt hai cứ điểm bảo vệ sân bay Mường Thanh là 105 và 206, cũng như trước đó, một tháng rưỡi, tại các sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đã có 74 máy bay các loại của địch bị quân ta phá hủy hoàn toàn.

Thực ra từ ngày chiến dịch bắt đầu, ngày 13 tháng 3, khoảng không không còn là nơi tuyệt đối an toàn, mà đã trở thành nỗi kinh hoàng đối với những viên phi công Mỹ trước hỏa lực pháo cao xạ của quân ta.

Xuất hiện lần đầu với trận đánh mở màn, chỉ một ngày sau, cùng với pháo mặt đất, pháo cao xạ đã tiêu diệt hoàn toàn lực lượng không quân tại chỗ của địch. Tiếp sau đó, các loại máy bay chiến đấu, vận tải cũng liên tục bị bắn rơi trên bầu trời Điện Biên Phủ. Ngoài 62 máy bay bị tiêu diệt còn có 167 chiếc khác bị bắn hỏng. Trong cuốn “Điện Biên Phủ, một góc của địa ngục”, tác giả Béc-na Phôn gọi đó là “cuộc tàn sát những máy bay” (le massacre des avions).

Ông viết: “Ngày 15, hai chiếc máy bay tiêm kích, ném bom đang được sửa chữa ở Điện Biên Phủ, thử chi viện cho Gabriel (đội Độc Lập) đang bị tiến công. Nhưng vừa rời khỏi sân bay, chúng đã gặp một luồng đạn cao xạ rất dữ dội và rất trúng đích. Cả hai chiếc vội trút bom xuống cách sân bay khoảng 6-7km. Nhưng chiếc thứ nhất vẫn trúng đạn, nổ tan trên bầu trời. Viên phi công Aly Sahraoui, thuộc phi đội chiến đấu 2/22 Languedoc chết ngay. Chiếc thứ hai thoát hiểm nhưng trong ngày hôm đó, viên phi công thứ hai điều khiển một máy bay ném bom của hạm đội 11F của hải quân đã tử thương khi lao xuống oanh tạc”... “Chiều 26 tháng 3, một chiếc Đa-cô-ta, do Đại úy Boeghin lái, bị bắn rơi phía tây cứ điểm Huy-giết, nhưng phi hành đoàn thoát chết. Chiếc máy bay bốc cháy như một ngọn lửa hỏa thiêu khổng lồ trong nhiều giờ”.



Đội hình vận tải bằng xe thô phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Việc quân Pháp mất hai điểm tựa quan trọng, như vừa nói, và sân bay Mường Thanh bị quân ta kiểm soát đã gây nên những hậu quả lớn với tập đoàn cứ điểm. Nếu như trong 4 ngày đầu chiến dịch, sự tăng viện và tiếp tế đối với Đờ Cát được

thực hiện rất đều đặn và bình thường thì 13 ngày sau đó, công việc đã sụt xuống một cách nghiêm trọng. Do việc sân bay Mường Thanh bị đánh chiếm, vùng trời mà không quân địch có thể hoạt động đã bị thu hẹp. Chỉ riêng ngày 26 tháng 4, pháo cao xạ đã bắn rơi xuống vùng ta 2 máy bay B26 và 1 máy bay cường kích. 50 máy bay khác bị trúng đạn. Ngày 27 tháng 4, 20 máy bay Đa-cô-ta thay nhau bay lượn trên vùng trời thung lũng nhưng vướng đạn cao xạ nên không thả được một chiếc dù tiếp tế nào. Ngày hôm sau, 28 tháng 4, 22 máy bay Đa-cô-ta khác cũng phải quay về với toàn bộ các kiện hàng mang theo. Ngày 30 tháng 4, 100 máy bay vận tải đã liều lĩnh thả dù xuống được 212 tấn hàng nhưng 50% số đó đã rơi xuống trận địa đối phương. Những ngày sau đó, những máy bay vận tải buộc phải bay cao từ 2.900 đến 3000m, nhưng vẫn không tránh được sự trừng phạt của pháo cao xạ, đã vội vã ném bừa bãi các kiện hàng, khiến cho từ 30 đến 40% số hàng đó rơi vào trận địa quân ta.

Những điều vừa nêu ra đã chứng tỏ rằng, “con đường thiêng liêng” trên không trung, tức là “cầu hàng không vận lương” của địch đã hoàn toàn bị khống chế. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn toàn bị triệt lương, cùng với sức mạnh tiến công mãnh liệt của chiến thuật vây lấn và hỏa lực pháo binh của quân ta suốt 55 ngày đêm thì sự đầu hàng của tướng Đờ Cát vào chiều 7 tháng 5 năm 1954 là điều phải diễn ra, không thể nào tránh khỏi.

DƯƠNG XUÂN ĐỒNG

(Nhà nghiên cứu văn hóa quân sự)

Theo Báo Quân đội nhân dân

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và chiến dịch Điện Biên

'Dân tộc ta có thể tự hào rằng: Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, chúng ta đã chứng minh một chân lý vĩ đại. Chân lý đó là trong thời đại ngày nay một dân tộc thuộc địa bị áp bức, khi đã biết đứng dậy đoàn kết đấu tranh, kiên quyết chiến đấu cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội thì có đầy đủ khả năng để chiến thắng quân đội xâm lược hùng mạnh của một nước đế quốc chủ nghĩa. Điện Biên Phủ mãi mãi sẽ được ghi vào lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc ta và của nhân dân các dân tộc trên thế giới'.

Đó là những lời đúc kết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy chấn động địa cầu, buộc chính quyền Pháp phải ký Hiệp định Geneva, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng mãnh tấn công của quân đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

17 giờ 30 ngày 7.5.1954, Tướng De Castrie và toàn thể bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị quân ta bắt sống. Gần 1 vạn tên xâm lược giơ cao cờ trắng ra khỏi hầm xin hàng. Ngọn cờ “Quyết chiến, Quyết thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tung bay trên nóc hầm De Castrie.

Xin giới thiệu một số hình ảnh về Đại tướng Võ Nguyên Giáp và chiến dịch Điện Biên Phủ



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thị sát chiến trường



Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình chiến dịch Điện Biên Phủ với Chủ tịch Hồ Chí Minh



Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng bộ chỉ huy chiến dịch tại lán chỉ huy



Lá cờ “Quyết chiến, Quyết thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tung bay trên nóc hầm De Castrie



Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm đồng bào Điện Biên nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ



Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong một lần về thăm lại chiến trường Điện Biên Phủ

Theo <http://www.thanhvien.com.vn/>

Người thợ đóng cối trong Chiến dịch Điện Biên Phủ

Những ngày đầu Chiến dịch Điện Biên Phủ, súng đạn bộ đội ta thu của địch thì nhiều, thừa dùng, chỉ thiếu gạo. Gạo khi đó quan trọng ngang với vũ khí. Không có vũ khí thì không thể tiêu diệt được kẻ thù. Nhưng nếu thiếu gạo thì bộ đội không làm chủ được vũ khí để chiến thắng địch. Thời điểm này vận chuyển gạo từ miền xuôi lên không dễ dàng. Một dân công vận chuyển được 40kg gạo từ đồng bằng lên Điện Biên, dọc đường ăn hết 39kg. Lúa của đồng bào dân tộc cạnh đồn bốt địch không thu hoạch được, vì bị chúng khống chế, có khi chúng còn tưới xăng đốt cháy hết. Lúa ở xa đồn bốt địch thu hoạch gặp nhiều khó khăn do thói quen đem cả bao thóc cho vào cối giã bằng sức nước, cả tuần mới ra lấy được một mẻ (khoảng 5 – 6kg gạo).

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch phát động phong trào “Đóng cối xay thóc”. Mệnh lệnh truyền

đến các đơn vị bộ đội và dân công hỏa tuyến. Dân công Trần Bạo, người thôn Vân Tràng, xã Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định ghi tên vào đội quân “đóng cối”. Vốn là thợ phụ cho một gia đình có nghề đóng cối ở thôn Cao Đài, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, ông Bạo phổ biến cách đan lồng bằng tre tươi, dùng tre khô làm tai cối, lấy luồng già làm dăm (nguyên vật liệu này gia đình nào ở miền núi cũng có sẵn). Tuy vậy, muốn cho gạo xay chày nhanh gọn xuống nia hứng phải đặt cối định thốt cối dưới lên chính giữa chân cối để khi lắp giăng xay vào cối không bị rung. Ở đồng bằng, một chiếc cối xay thóc phải đóng mất 2 công. Nhưng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, với tinh thần khẩn trương, bộ đội ta chỉ cần 3 người trong một ngày có thể đóng được 2 chiếc cối xay thóc.

Đóng xong chiếc cối đầu tiên, nhìn thốt trên đặt khít thốt dưới, ông Bạo rất phần

khởi. Nhất là khi cho thóc vào xay thử, cối quay tròn, phát ra tiếng ầm ì như sấm, gạo ra khá nhanh, mọi người mừng rỡ hò reo không ngớt. Đồng bào dân tộc thiểu số đến xem cũng tấm tắc khen: “Bộ đội Cụ Hồ giỏi quá, phải nhờ bộ đội dạy cho làm cối thôi”. Họ tính: Nếu cho 5kg thóc vào cối giã bằng tay thì mất khoảng một tiếng mới được một mẻ gạo đủ thổi cơm cho cả nhà ăn. Còn dùng cối của bộ đội thì 10kg thóc xay mất có 40 phút. Nhờ vậy, bộ đội được ăn no, đủ sức đánh giặc.

Những chiến sĩ đóng cối xay thóc trong Chiến dịch Điện Biên Phủ nay người còn, người mất, nhưng hình ảnh của họ cùng loại công cụ thô sơ này góp phần khẳng định vai trò quan trọng của nền văn minh lúa nước trong sinh hoạt đời thường cũng như trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Nguyễn Đức Hoè

Theo <http://nguoicaotui.org.vn/>

Điện Biên Phủ qua thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Có thể nói suốt trong thời gian chuẩn bị và tiến hành chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị thống soái tối cao, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã luôn luôn theo dõi mọi diễn biến của chiến dịch, kịp thời nhắc nhở nhiệm vụ và khích lệ quân và dân hăng hái tiến lên giành chiến thắng.



Tháng 12/1953, tại chiến khu Việt Bắc (Thái Nguyên), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở mặt trận tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ảnh: Tư liệu TTXVN

Ngay sau chiến thắng được năm ngày, ngày 12/5/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng tác bài thơ Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, theo thể tự do, gồm 4 đoạn, 45 câu. Mở đầu bài thơ, Người vạch trần sự chủ quan, kiêu căng của tướng 4 sao Na - va, tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương cùng bè lũ tay sai khi tung quân nhảy dù xuống lòng chảo Điện Biên:

*Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất
Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất
Chúng khoe rằng: “kế hoạch Na va
Thật là mạnh dạn và tài hoa*

*Phen này Việt Minh phải biết tay.
Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay!”*

Bác kể lại, khi quân ta bắt đầu tiến hành đợt tiến công thứ nhất (11/3/1954), lần lượt đập tan ba trung tâm đề kháng của địch ở đồi Him Lam, đồi Độc Lập và Bản Kéo, chúng vẫn đang còn say trong giấc mơ nòng coi thường Việt Minh, cậy thế:

*“Mình có thầy Mỹ lo cung cấp,
Máy bay cao cao, xe tăng thấp,
Lại có Na va cùng Cô nhi
Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy
Chúng mình chuyển này nhất định thắng
Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng”.*

Kẻ thù không thể lường được sức mạnh vĩ đại của lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của quân, dân ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ. Trong bài thơ trên, Bác đã biểu dương công lao to lớn và sự hy sinh dũng cảm, ngoan cường của bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và các lực lượng khác đã trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ đặc lực cho chiến dịch Điện Biên Phủ:

*Bộ đội, dân công quyết một lòng
Xe non, đắp suối, vượt qua sông
Khắc phục khó khăn và hiểm trở
Đánh cho giặc tan mới hả dạ*

*Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày
Không quản gian khổ và đắng cay...*

Rốt cục, toàn thắng đã về ta.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6/1954, liên tiếp trong 6 số báo Cứu quốc, với bút danh Đ.X, Bác đã viết một số mẫu chuyện để phân tích sâu sắc về ý nghĩa của chiến thắng “chấn động địa cầu” này. Bằng những câu chuyện rất ngắn, cô đọng, dễ hiểu, đậm chất hài hước, châm biếm chua cay, Bác đã phê phán chính phủ phản động Pháp “rất thạo nghề nói láo”, nội bộ Pháp luôn lung củng, mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa bọn quân sự và bọn chính trị. Chính báo chí Pháp – Mỹ đã phải nhận rằng: “Điện Biên Phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu”. Bác chỉ rõ: “Điện Biên Phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, càng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ”. Người tiên đoán: “Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta” để nhắc nhở mọi người nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với tên đế quốc đầu sỏ đó.



Ảnh tư liệu

Tầm vóc, ý nghĩa hết sức to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ đã in sâu vào tâm trí và suy nghĩ của Bác. Trong nhiều văn kiện chính trị quan trọng, Người nhắc tới ba chữ “Điện Biên Phủ”, với tất cả sự hào sảng và hùng tráng. Ngoài ra, Bác còn dùng những vần thơ có sức truyền cảm mạnh mẽ để đề cập chiến dịch đó. Kết thúc bài viết “Điện Biên Phủ”, đăng trên báo Nhân Dân số 1923, ngày 21/6/1959, Bác có 4 câu tập Kiều:

Cũng trong một cuộc Điện Biên

Ta mừng thắng lợi, Pháp phiền xấu xa

Trăm năm trong cõi người ta

Bên chính ắt thắng, bên tà ắt thua.

Tiếp đó, trên báo Nhân Dân ngày 12/11/1964, Bác có bài thơ tứ tuyệt cảnh báo đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam đón chờ trận Điện Biên mới sẽ đến với chúng:

Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu

Thành Đồng trống thắng lay lắt trắng

Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu.

Ngày 7/5/2014 sắp tới, cả nước ta sẽ tung bừng kỷ niệm 60 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Trong ngày vui lớn, đọc lại những áng văn thơ của Bác viết về Điện Biên Phủ, chúng ta càng thêm tự hào về đất nước ta, nhân dân ta, về Đảng ta và Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí khác trong Bộ Chính trị - những người đã góp phần quan trọng làm nên vinh quang chói lọi đó.

Nguyễn Huy Thông

Theo <http://www.baotintuc.vn/>

Tọa đàm "Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ"

Theo phóng viên TTXVN tại Pháp, ngày 5/4, tại Bảo tàng Lịch sử sống ở thành phố Montreuil, ngoại ô thủ đô Paris, đã diễn ra buổi tọa đàm với chủ đề "Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (1954-2014)". Buổi tọa đàm nhằm mục đích ôn lại kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu 60 năm trước của quân, dân Việt Nam.

Chủ trì buổi tọa đàm là nhà sử học Alain Ruscio, nguyên phóng viên thường trú báo Nhân đạo (L'Humanité) tại Việt Nam từ năm 1978-1980, và cựu Đại sứ Pháp tại Việt Nam năm 1989 - 1993 Claude Blanchemaison. Tham dự có đông đảo cựu chiến binh Pháp, thành viên Đảng Cộng sản Pháp, người Pháp yêu hòa bình và công lý và những người bạn Pháp yêu mến Việt Nam. Họ đến để tìm kiếm cho mình lời giải thích cho câu hỏi "vì sao quân đội Pháp, quân đội của một cường quốc trên thế giới, lại thua trận trước quân đội của một nước Việt Nam bé nhỏ?".

Tại buổi tọa đàm, nhà sử học Alain Ruscio đã làm sáng tỏ bối cảnh lịch sử trước chiến dịch Điện Biên Phủ, vai trò nổi bật của nhà chiến lược quân sự lỗi lạc của Việt Nam là Đại tướng Võ Nguyên Giáp và ý nghĩa của chiến thắng đã dẫn đến sự sụp đổ của chủ

nghĩa thực dân cũ, đánh dấu bước phát triển mới cho phong trào đấu tranh giành độc lập và phong trào phi thực dân hóa trên toàn thế giới trong những năm 60 của thế kỷ trước. Ngoài ra, ông cũng đã phân tích tương quan lực lượng giữa quân đội hai nước Việt Nam và Pháp, theo đó quân đội Pháp có ưu thế hơn hẳn về quân số, vũ khí, trang bị, phương tiện chiến tranh. Theo ông, thất bại ở Điện Biên Phủ là hệ quả tất yếu của những toan tính chiến lược sai lầm của thực dân Pháp khi đã đánh giá hết sức mạnh của một dân tộc quyết tâm đứng lên bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Nhà ngoại giao Claude Blanchemaison cũng kể lại những kỷ niệm sâu sắc trong thời gian làm Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Việt Nam vào thời điểm Việt Nam còn rất nhiều khó khăn và bắt đầu mở cửa. Ông hồi tưởng về các buổi trò chuyện với Đại

tướng Võ Nguyên Giáp, đặc biệt là khi Đại tướng đến Đại sứ quán Pháp dự kỷ niệm 200 năm cuộc Cách mạng Pháp (14/7/1789-14/7/1989). Theo ông, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người hết sức gần gũi và giản dị. Tuy đánh thắng quân đội Pháp, nhưng Đại tướng lại rất yêu văn học Pháp, yêu những giá trị mà cuộc Cách mạng Pháp 1789 đề cao, và đặc biệt là là bài quốc ca Pháp La Marseillaise vì những ca từ kêu gọi người dân đứng lên cầm vũ khí bảo vệ Tổ quốc.



Quang cảnh buổi tọa đàm. Ảnh: Bích Hà (Phóng viên TTXVN tại Paris)

Tại buổi tọa đàm, diễn giả và cử tọa cũng nhắc đến các nhà lãnh đạo mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử như Lê Đức Thọ, Nguyễn Thị Bình..., những người đã góp phần to lớn vào việc ký Hiệp định Paris năm 1973 về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Các đại biểu cũng đề cập đến sự phát triển của Việt Nam những năm sau chiến tranh và mối

quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước trong thời gian qua.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp bàn kế hoạch tác chiến trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Buổi tọa đàm được tổ chức theo sáng kiến của ông Frédéric Genevée, Chủ tịch Hội lịch sử sống và Chủ tịch Hội đồng trị sự của Bảo tàng Lịch sử sống. Đây là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng nhân dịp kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Buổi tọa đàm cho thấy mặc dù đã trải qua những thăng trầm của lịch sử nhưng hai nước Việt Nam, Pháp đã biết gác lại quá khứ, cùng nhau xây dựng quan hệ hợp tác hữu nghị tốt đẹp trong nhiều thập kỷ qua mà đỉnh cao là việc ký kết Hiệp ước đối tác chiến lược nhân chuyến thăm Pháp của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào tháng 9/2013.

Theo TTXVN/Tin tức

VỀ NƠI QUYẾT ĐỊNH ĐÁNH TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Qua những rừng cọ, nương chè xanh bát ngát, chúng tôi trở lại ATK Định Hóa (Thái Nguyên) cùng những đoàn xe từ mọi miền đất nước hành hương về nguồn. Vẫn những nếp nhà sàn đặc trưng của đồng bào Tày - Nùng ẩn hiện trong trập trùng đồi núi xanh ngát, vẫn những di tích thời "chín năm kháng chiến" hào hùng, vẻ vang, ATK Định Hóa giờ đây đã được công nhận là Di tích lịch sử đặc biệt quan trọng của Quốc gia.

Trong căn lán đơn sơ trên đồi Tín Keo, xã Phú Đình - Trung tâm ATK trong thời kỳ kháng chiến, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, chúng tôi tận mắt thấy được những kỷ vật và hình ảnh thiêng liêng tái hiện cuộc họp lịch sử của Trung ương Đảng quyết định mở trận đánh "chấn động địa cầu" Điện Biên Phủ.



Bộ đội kéo pháo vào trận địa. Ảnh: Tư liệu - TTXVN

Theo các tài liệu lịch sử được lưu trữ tại Ban quản lý Di tích lịch sử và sinh thái ATK Định Hóa, sự kiện lịch sử đó diễn ra vào ngày 6/12/1953, sau khi nghe Tổng Quân ủy báo cáo tình hình chiến sự, Bác Hồ và các Ủy viên Bộ Chính trị (Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái) đã nhất trí thông qua phương án tác chiến của Tổng Quân ủy, quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ với bí danh "Trần Đình", thành lập Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ và cử Đại tướng, Tổng tư lệnh

Võ Nguyên Giáp làm Bí thư Đảng ủy, Chỉ huy trưởng chiến dịch. Quyết định này được coi là quyết định quan trọng nhất liên quan tới vận mệnh của toàn dân tộc.

Trong những ngày diễn ra chiến dịch, Hồ Chủ tịch đã chuyển về ở ngay trong cơ quan Bộ Tổng tham mưu ở Khẩu Quắc, xã Thanh Đình (Định Hóa). Dưới sự chỉ đạo chiến lược tài tình của Bác, Bộ Chính trị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi, tạo nên một mốc son lịch sử chói lọi, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương...

Tại nơi Bác và Bộ Chính trị ra quyết định đặc biệt quan trọng đối với lịch sử dân tộc ấy giờ đây đã trở thành điểm thăm quan quan trọng trong quần thể Di tích lịch sử ATK Định Hóa. Căn lán đơn sơ cùng hệ thống giao thông hào, nhà làm việc của Trung ương Đảng, cây hoa dâm bụt do chính Bác Hồ

trồng, Nhà trung bày ATK... được cán bộ, công nhân viên của Ban quản lý Di tích lịch sử và sinh thái ATK Định Hóa phục dựng, bảo quản cẩn thận, đảm bảo giữ nguyên di tích gốc, mỗi ngày đón hàng trăm lượt khách về thăm quan, tìm hiểu...

Tự hào với truyền thống anh hùng vẻ vang, nơi ra đời quyết định đánh trận Điện Biên Phủ, vùng đất cách mạng Phú Đình năm xưa, nay đang đổi mới, chuyển mình từng ngày, dần trở thành một vùng nông thôn miền núi giàu đẹp, trù phú. Anh Trương Văn Vượng, Chủ tịch UBND xã Phú Đình cho biết: Với số dân trên 5.600 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào Tày, Nùng, Kinh, Sán Chí... cư trú tại 22 thôn bản, dù còn nhiều khó khăn do địa hình chia cắt, đồi núi dốc, cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện nhưng hiện nay bà con các dân tộc ở Phú Đình đã có đời sống kinh tế khá ổn định, tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm từ 3 đến 4%, thu nhập bình quân đạt khoảng 12 triệu đồng/người/năm.



Đường vào Sở Chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên). Ảnh: Thanh Tùng - TTXVN

Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt trên 2.000 tấn, giá trị sản phẩm trên mỗi ha đất nông nghiệp đạt 53 triệu đồng, tỷ lệ người dân có nước sinh hoạt hợp vệ sinh sử dụng đạt trên 70%, 100% trẻ trong độ tuổi đều được đến trường, hệ thống trường học, trạm y tế đã cơ bản được kiên cố hóa và đạt chuẩn..

Đặc biệt, với lợi thế là vùng thu hút đông đảo khách du lịch, nhiều hộ dân tại các thôn bản có lợi thế về đất đồi ở Phú Đình đã thực hiện thâm canh chè đặc sản, nâng diện tích trồng chè lên hơn 200 ha, trong đó có gần 30 hộ tại thôn Phú Ninh 3 thực hiện thâm

canh chè theo chương trình sản xuất thực phẩm an toàn VietGap, sản xuất và tiêu thụ ngay tại chỗ, phục vụ du khách tham quan ATK, mở ra nhiều hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp...

Được sự hỗ trợ có hiệu quả của tỉnh và huyện, năm qua, xã đã khẩn trương hoàn thành các tuyến đường liên thôn Khẩu Đưa - Đồng Chấn, Đồng Chùng - Nà Mùi với tổng kinh phí đầu tư hơn 1 tỷ đồng; đồng thời xây dựng công trình đập Đồng Ban, giúp nhiều hộ dân trong xã chủ động được nguồn nước tưới trong sản xuất, tuyến đường liên xã Phú Đình - Sơn Phú cũng cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng...

Là xã đi đầu trong phong trào cách mạng, Phú Đình hôm nay ra sức phấn đấu trở thành xã đi đầu trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Theo kế hoạch đề ra, trong thời gian tới, xã phát huy thế mạnh về thăm quan, du lịch, phát triển trồng lúa, chè, nuôi trồng thủy sản... với tổng kinh phí đầu tư lên tới hơn 380 tỷ đồng, trước mắt là việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, hoàn thiện hệ thống giao thông liên thôn, liên xã, cứng hóa hệ thống thủy lợi nội đồng, xây mới trạm biến áp, hệ thống cấp điện...

Hoàng Thảo Nguyên
<http://www.baotintuc.vn/>

Đổi thay nơi ngã ba lịch sử Cò Nòi, Sơn La

Nằm trên tuyến đường huyết mạch, ngã ba Cò Nòi (xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) là điểm nút giao thông quan trọng của quân và dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ nên thường xuyên bị quân Pháp bắn phá dữ dội. Chính tại nơi này, 100 thanh niên xung phong đã hy sinh để đảm bảo tuyến đường vận chuyển lương thực, vũ khí ra mặt trận luôn được thông suốt. Hơn nửa thế kỷ qua đi, mảnh đất này đang từng bước khởi sắc, vươn mình phát triển.



TNXP và dân công hỏa tuyến trong chiến dịch Điện Biên Phủ vận chuyển lương thực ra mặt trận. Ảnh tư liệu.

Tọa độ "lửa"

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ngã ba Cò Nòi là điểm trọng yếu trên đường ra mặt trận của quân ta, bởi vì đây là ngã ba đường 41 (nay là quốc lộ 6) với đường 13 (nay là quốc lộ 37), là những con đường nối đồng bằng Bắc bộ, chiến khu Việt Bắc, Khu III, Khu IV với chiến trường Điện Biên Phủ. Ngã ba Cò Nòi có vị trí quan trọng như vậy nên địch tập trung đánh phá rất ác liệt nhằm cắt đứt con đường huyết mạch chi viện lực lượng bộ đội, dân công, vận chuyển vũ khí... cho chiến trường. Với tinh thần cả nước phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, hàng vạn thanh niên xung phong đã trực tiếp bám trụ, bảo đảm giao thông cho tuyến đường huyết mạch này. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng thanh niên xung phong làm nhiệm vụ tại trọng điểm ngã ba Cò Nòi luôn phải hứng chịu những trận bom ác liệt, dai dẳng. Vào thời kỳ cao điểm, có ngày máy bay Pháp ném xuống đây 300 quả bom các loại với trọng lượng gần 70 tấn thuốc nổ.

Đưa chúng tôi đi thăm lại di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi, người cựu thanh niên xung phong Lò Văn Hếnh, năm nay

đã 84 tuổi ở bản Nà Hường (xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) không giấu được sự xúc động. Nhìn những hố bom nham nhở, sâu hoắm còn lại nơi đây, ký ức về những tháng ngày tham gia mở đường, đảm bảo giao thông trên tuyến đường này dường như sống lại trong ông. Ông bồi hồi nhớ lại, đầu năm 1953, ông cùng nhiều thanh niên trong xã tham gia thanh niên xung phong, đơn vị ông là Đại đội Thanh niên xung phong C264 (Thuộc Tổng cục cung cấp, nay là Tổng cục Hậu cần). Đơn vị của ông có nhiệm vụ sửa đường, phá bom, dẫn xe, các đoàn dân công qua khu vực từ đèo Chẹn (huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La) đến ngã ba Cò Nòi. Trên cung đường này, địch ném bom thường xuyên khiến mặt đường bị cày nát, gây rất nhiều trở ngại, khó khăn cho việc sửa chữa. Nhưng đối với những người thanh niên xung phong, vất vả và nguy hiểm hơn cả là việc phá các quả bom nổ chậm. Để đối phó với thủ đoạn sử dụng bom nổ chậm, đơn vị đã phân công người làm nhiệm vụ quan sát, đếm và xác định rõ số lượng, vị trí các quả bom chưa nổ mỗi khi máy bay Pháp ném bom khu vực ngã ba này. Có như vậy mới đảm bảo an toàn tính mạng cho lực lượng thanh niên xung phong khi làm nhiệm vụ phục vụ công tác phá bom nổ chậm, giải phóng đường.

Thấp nén nhang lên Đài tưởng niệm lực lượng thanh niên xung phong đã hi sinh khi làm nhiệm vụ tại ngã ba Cò Nòi, ông Hếnh không ngăn được dòng nước mắt vì xúc động. Ông kể cuối năm 1953, một tiểu đội thanh niên xung phong gồm 12 người đang làm nhiệm vụ san hố bom ở đây thì vướng vào bom nổ chậm, khiến tất cả đều hy sinh. Biết tin, cả đơn vị ai cũng không cầm nổi nước mắt trước sự ra đi của đồng đội, nhưng không vì vậy mà nản chí, ngược lại quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần đánh đuổi giặc Pháp xâm lược, càng mạnh mẽ hơn trong mỗi người.

Sức sống mới nơi vùng đất lịch sử



Tượng đài kỷ niệm chiến công lịch sử của bộ đội, TNXP và dân công hoả tuyến ở ngã ba Cò Nòi.

Chúng tôi có dịp trở lại địa danh lịch sử ngã ba Cò Nòi trong những ngày

cả nước hướng tới kỉ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử. Mảnh đất từng phải hứng chịu hàng trăm tấn bom đạn năm xưa nay đã chuyển mình, trở thành nơi có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

Ông Hoàng Văn Sơn, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cò Nòi cho biết, để ghi nhớ công ơn các liệt sỹ thanh niên xung phong, năm 2002 tỉnh Sơn La đã xây dựng Khu tưởng niệm và Tượng đài Thanh niên xung phong tại ngã ba Cò Nòi. Di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi đã trở thành một địa danh lịch sử trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ, nơi du khách đến tham quan, hiểu thêm về lịch sử, về mảnh đất miền Tây Bắc của Tổ quốc.

Hơn nửa thế kỷ qua đi, Cò Nòi giờ đây không còn khó khăn như những năm sau chiến tranh, nằm xen giữa những hồ bom là những nương ngô, nương mía xanh mướt, trải dài minh chứng cho sự phát triển của mảnh đất này. Ông Sơn vui mừng cho biết, từ xuất phát điểm kinh tế thấp, là một xã đặc biệt khó khăn, đến nay Cò Nòi đã duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Thu nhập bình quân

đầu người đến năm 2013 đạt 18 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế của địa phương có sự chuyển dịch đúng hướng, từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất cây lúa, cây sắn, cây ngô, nay xã đã chú trọng phát triển các loại cây lâu năm, cây công nghiệp. Tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt gần 17.000 tấn; diện tích cây mía được mở rộng với hơn 1.400 ha. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục được duy trì và phát triển. Cuộc sống của đồng bào nơi đây có nhiều đổi thay với 100% số hộ được dùng điện lưới quốc gia, đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo của toàn xã giảm xuống còn 0,7%. Bên cạnh đó hệ thống trường học, trạm y tế xã được xây dựng khang trang, công tác chăm sóc sức khỏe và giáo dục đào tạo có sự chuyển biến tích cực. Ngày nay, nhắc đến Cò Nòi người ta không chỉ biết một địa danh lịch sử gắn với sự hi sinh anh dũng của những người thanh niên xung phong trong chiến dịch Điện Biên Phủ, mảnh đất này còn được biết đến là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội ổn định, một khu đô thị mới đang hình thành xen giữa những nương ngô, bãi mía.

Theo Báo Quân đội nhân dân

Không chế đường không, chặn đường tiếp vận của địch cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ



Các chiến sĩ pháo cao xạ của quân đội ta đánh trả quyết liệt máy bay thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ (ĐBP) là chiến dịch hiệp đồng binh chủng đầu tiên của Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam, sau gần chín năm đương đầu với quân xâm lược Pháp.

Trong chiến dịch này, có sự đóng góp quan trọng của Trung đoàn pháo cao xạ 367-Trung đoàn phòng không đầu tiên của Quân đội ta và cũng là đơn vị đầu tiên của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Lực lượng Phòng không (PK) của ta tham gia chiến dịch gồm: một trung đoàn pháo cao xạ 37 mm, năm tiểu đoàn và một số đại đội súng máy PK 12,7 mm, được biên chế trong các đại đoàn bộ

binh. Trong khi đó, quân Pháp huy động tới 80% trong tổng số gần 400 máy bay ở Đông Dương, bao gồm các loại: trinh sát, ném bom, cường kích... và được Mỹ viện trợ một số lượng lớn máy bay vận tải hiện đại, để thiết lập cầu hàng không từ Hà Nội, Hải Phòng chi viện cho tập đoàn cứ điểm ĐBP. Xét về thế trận đất đối không, với ưu thế về vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh, không quân Pháp - Mỹ hoàn toàn có thể làm chủ bầu trời ĐBP.

Tuy nhiên, thực tế diễn biến trên chiến trường ĐBP không phản ánh một cách đơn thuần tương quan lực lượng bằng những con số thống kê. Trước đòn tiến công mạnh mẽ và thế trận bao vây chặt chẽ từ bốn phía của quân ta, quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm ĐBP đã rơi vào thế bị động, phải đối mặt với tình trạng khốn quẫn: lực lượng, vũ khí, trang bị, đạn dược bị tiêu hao không được bù đắp; lương thực, thực phẩm không được cung cấp... Nắm được điểm yếu cốt tử đó của địch, để nhanh chóng tiêu diệt tập đoàn cứ điểm ĐBP, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã chỉ đạo các lực lượng, nòng cốt là lực lượng PK, hiệp đồng tác chiến với quân và dân trên các mặt trận, kiên quyết tiến

công, khống chế đường không, cắt đứt cầu hàng không, chặn đường tiếp viện của địch bằng các biện pháp chính, như: Sử dụng lực lượng đặc công tập kích các sân bay - điểm đầu cầu hàng không của địch... Bằng bản lĩnh dũng cảm, ngoan cường và mưu trí sáng tạo, các chiến sĩ đặc công ở Hà Nội, Hải Phòng dày công nghiên cứu để tìm ra quy luật bố trí canh phòng sân bay của địch..., tập kích vào các sân bay Gia Lâm, Cát Bi và Đồ Sơn, gây tổn thất lớn cho địch (hơn 80 máy bay bị phá hủy, nhiều kho xăng, dầu và kho bom bị bốc cháy), làm giảm sút nghiêm trọng khả năng hoạt động chi viện ở các đầu cầu hàng không, gây cho địch tâm lý hoang mang, lo sợ.

Cùng với đó, ta sử dụng lực lượng pháo binh pháo kích khống chế các sân bay không cho địch hạ cánh, buộc chúng phải thả dù tiếp tế trên không. Khi chiến dịch mở màn (ngày 13-3), cùng với việc bắn chế áp các trận địa pháo binh, các lô cốt và hỏa điểm của địch, lực lượng pháo binh chiến dịch đã bắn cấp tập vào sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm, phá hủy máy bay đang đậu trên sân bay, bắn cháy các kho xăng, dầu; khống chế sân bay làm cho phi công địch không dám mạo hiểm hạ cánh xuống sân bay, mà phải chuyển sang phương pháp thả dù tiếp viện. Trong khi lực lượng dù trong quân đội Pháp không có nhiều; hàng hóa thả từ trên không dễ bị tản mát, rất khó

thu lượm, thậm chí còn rơi sang trận địa của quân ta...

Sử dụng lực lượng bộ binh, công binh thắt chặt hệ thống chiến hào, bao vây thu hẹp phạm vi hoạt động của địch: Với cách đánh "vây, lấn, tấn, chiếm", các lực lượng của ta đã từng bước loại bỏ và làm chủ được các cứ điểm vòng ngoài, buộc địch phải co cụm vào phân khu trung tâm... Các đơn vị bộ binh, pháo binh của ta tích cực đánh địch, chế áp địch, chi viện hỏa lực cho bộ đội cao xạ trong quá trình cơ động chiến đấu, triển khai trận địa để tạo vùng hỏa lực PK bao vây không phận của địch...; phần lớn hàng tiếp tế của địch bị ta thu được. Cuốn "Nhật ký chiến sự" của Giảng Pu-giê ghi nhận: "Ngày 1-4, hơn một nửa số hàng thả rơi ngoài vị trí. Ngày 6-4, hơn mười khẩu pháo không giật 75 mm thả xuống Điện Biên, lính Pháp chỉ thu được hai khẩu, số còn lại coi như làm quà cho Việt Minh. Ngày 9-4, trong tổng số 195 tấn hàng tiếp tế đã thả, chỉ thu được sáu tấn...".

Sử dụng lực lượng PK khống chế, bao vây trên không, ngăn chặn, cắt đứt cầu hàng không: Cùng với lực lượng bộ binh và công binh từng bước bao vây, thắt chặt vòng vây ở dưới mặt đất, các đơn vị PK đã nhanh chóng cơ động bám sát bộ binh và triển khai trận địa ngay trên cánh đồng Mường Thanh... Song song với việc đánh máy bay ném bom và máy bay

cường kích của địch để bảo vệ đội hình binh chủng hợp thành chiến đấu, các đơn vị PK tập trung hỏa lực đánh tiêu diệt các máy bay vận tải thả hàng tiếp viện. Trước đó, mọi hoạt động trên không là ưu thế tuyệt đối của địch, thì nay khi gặp phải lưới lửa PK dày đặc đang từng bước khép chặt không phận, buộc phi công địch phải nâng độ cao để thực hiện đánh phá và thả dù hàng, thậm chí còn không dám thả dù ban ngày, mà phải chuyển sang thả dù vào ban đêm...

Không tin vào trình độ lái của phi công Pháp, Mỹ lập cầu hàng không gồm 29 máy bay vận tải hạng nặng C-119, do phi công của Mỹ lái và đích thân tướng Mỹ chỉ huy. Đây là sự giúp đỡ, nhưng cũng là thủ đoạn để Mỹ nhằm dần dần hất cẳng Pháp và từng bước can thiệp sâu hơn vào chiến tranh Đông Dương... Ngày 19-4-1954, chiếc máy bay vận tải C-119 được mệnh danh là "Cọp bay", do phi công Mỹ lái lên vùng trời ĐBP để thả hàng tiếp tế cho quân Pháp, đã bị hỏa lực PK của ta bắn rơi tại chỗ. Đây là chiếc máy bay và tổ lái đầu tiên của Mỹ bị tiêu diệt trên chiến trường Đông Dương. Từ đó, các phi công Mỹ không dám thực hiện thả dù ở độ cao thấp. Ngày 27-4, đàn "Cọp bay" do phi công Mỹ lái, thực hiện thả dù hàng ở độ cao, cho nên đã bị dạt sang trận địa của ta 65 tấn hàng, còn đoàn máy bay vận tải Đa-cô-ta do phi

công Pháp lái thả dù dạt sang quân ta 20 tấn.

Những ngày cuối của chiến dịch, trước lưới lửa PK dày đặc của ta, các máy bay vận tải do phi công Pháp và của Mỹ lái không dám bay vào vùng trời ĐBP để thả dù tiếp tế cho đồng bọn, mà phải bay về căn cứ, vì sợ lưới lửa hỏa lực PK của ta. Không còn vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm tiếp viện, quân số bị thương vong ngày càng nhiều không được đưa đi cấp cứu kịp thời, làm cho tinh thần của binh lính địch rối loạn, không còn đủ ý chí để kháng cự...

56 ngày đêm chiến đấu, Trung đoàn pháo cao xạ 367 đã bắn rơi 52 trong tổng số 62 máy bay các loại của địch, hoàn thành tốt các nhiệm vụ: bảo vệ giao thông vận chuyển; bảo vệ đội hình bộ đội binh chủng hợp thành và hiệp đồng cùng các lực lượng không chế đường không, cắt đứt cầu hàng không tiếp vận của địch cho quân đồn trú ở tập đoàn cứ điểm ĐBP, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của chiến dịch ĐBP...

Trung tướng, TS PHƯƠNG MINH HÒA
Ủy viên T.Ư Đảng, Tư lệnh Quân chủng
Phòng không - Không quân

Theo <http://www.nhandan.com.vn/>

KỶ VẬT HUY HIỆU CHIẾN SĨ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Trong một trận bom đánh phá khốc liệt vào trọng điểm, ông hy sinh; kỷ vật còn lại là tám huy hiệu chiến sỹ Điện Biên Phủ...



Tác giả (áo xanh ngoài cùng bên phải) cùng CCB Đại đoàn 312 dâng hương trước phần mộ Anh hùng Phan Đình Giót và Tô Vĩnh Diện tại nghĩa trang liệt sỹ A1.

Cha tôi là lính Đại đoàn 312, Trung đoàn 141, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ ngay từ trận mở màn ngày 13 tháng 3 năm 1954, đánh chiếm trung tâm đèo Kháng Him Lam. Trong kháng chiến chống Mỹ, cha tôi trực tiếp chỉ huy đơn vị mở đường vào mặt trận phía Nam. Trong trận bom đánh phá khốc liệt vào trọng điểm, ông hy sinh ngày 27/5/1967. Kỷ vật còn lại là tám huy hiệu chiến sỹ Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ trở thành dấu ấn chẳng phai mờ trong ký ức không chỉ của thân nhân người chiến sỹ Điện Biên Phủ.

Phải vậy chăng, mỗi dịp lên Điện Biên Phủ, tôi dành phần lớn thời gian thăm bảo tàng lịch sử. Mỗi hiện vật như lớp áo, tờ rọ, súng quá khứ hào hùng của dân tộc. Tôi cứ trân trọng lật từng lưõi xẻng, lưõi cuốc mòn vẹt, sứt mẻ vì mảnh bom, vết đạn xuyên thủng. Đây là lưõi xẻng, lưõi cuốc mà cha tôi sát cánh cùng lớp lớp chiến sỹ khoét núi, mở đường kéo pháo, xây dựng hệ thống chiến hào tiến công, vây lấn, thực hiện phương châm “đánh chắc, tiến chắc”.

Họ là lính Đại đoàn 312, 304, 308, 316, 351, những người con từ nhân dân mà ra vì nhân dân mà chiến đấu. Cha tôi kể chỉ trong khoảng 10 ngày, bộ đội đã đào hơn 100 km hào chiến đấu, hầm trú ẩn tránh phi pháo, tạo thế trận vây hãm tập đoàn

cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Từng ngày, từng giờ siết chặt cổ họng từng phân khu cứ điểm, cất ngang sân bay Mường Thanh.

Lại nhớ tới công lao của biết bao người thợ làng rèn Nho Lâm (Diễn Châu) và Thượng Rừng (Nghệ Lộc), Nghệ An nổi lửa rèn xẻng, rèn cuốc cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ. Nhìn số hiện vật trưng bày ít ỏi, tôi liên tưởng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội, dân công, thanh niên xung phong sử dụng tới gần 4 vạn lưõi xẻng, lưõi cuốc, có còn lại bảo tàng tàng lưõi xẻng, lưõi cuốc nào của làng rèn Nho Lâm, Thượng Rừng (Nghệ An).

Sinh thời, mỗi khi vào dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, ông Vũ Đình Chi, quê xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, nguyên Bí thư huyện ủy Diễn Châu, nguyên Trưởng Ban cung cấp hậu cần kháng chiến chống Pháp của huyện Diễn Châu thường, lại hào hứng kể lại cho thế hệ trẻ về kỳ tích chỉ trong một tháng, hơn 300 lò rèn làng Nho Lâm (bao gồm xã Diễn Thọ, Diễn Phú, Diễn Lộc) và hơn 100 lò rèn làng Thượng Rừng (Nghệ Xuân, Nghệ Lộc) liên tục nổi lửa rèn 10.000 lưõi xẻng, 5.000 lưõi cuốc

chim cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Riêng làng đúc lưỡi cày chợ Si (xã Diễn Kỳ, Diễn Châu) còn rèn cả búa tạ, xà beng, dao phát cung cấp cho 500 đội viên thanh niên xung phong mang tên Cù Chính Lan Nghệ An mở đường vào bến phà Tạ Khoa, bảo đảm giao thông đèo Pha Đin, ngã ba Cò Nòi dẫn vào Tuần Giáo.



Khẩu pháo 105 ly chiến lợi phẩm tại bảo tàng Điện Biên Phủ.

Ông Cao Xuân Khuê, huyện đội trưởng Diễn Châu thời ấy nhận lệnh từ Hội đồng cung cấp tiền phương trực tiếp chỉ huy, đôn đốc 2 huyện Diễn Châu, Nghi Lộc gấp gáp bảo đảm đủ số lượng xẻng, cuốc trong một tháng, kịp chuyển ra chiến trường. Nguồn nguyên liệu sắt, thép là vô số thanh tà vẹt đường sắt hư hỏng, thanh dầm cầu bị bom ném cong vênh từ Hoàng Mai tới cầu sắt Yên Xuân. Một nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào nữa là đóng góp của nhân dân cả tỉnh Nghệ An, đấy là hàng vạn tấn than củi, dao cùn, lưỡi cày, lưỡi mác, lưỡi cưa, lưỡi rìu...

Những ngày đầu tháng 3 năm 1954, dọc tuyến đường 1A, kênh nhà Lê, kênh Sắt, rạo rực, nô nức từng đoàn xe bò kéo, xe cút kít, xe đạp thồ, thuyền nan chở lặt lè những sắt, những thép hồi hải đồ về bãi tập kết làng rền Nho Lâm, làng rền Thượng Rừng, làng đúc chợ Si. Dưới dãy núi Đại Vạc, không gian như sôi sục bởi tiếng búa tạ nện mặt đe tạo dáng lưỡi xẻng, lưỡi cuốc. Lửa phun từ lò sáng rực thâu đêm suốt sáng. Chẳng biết người thợ rèn làng Nho Lâm thời ấy sử dụng bao nhiêu tấn nguyên liệu để rèn hàng vạn lưỡi xẻng, chỉ biết đến bây giờ người dân khi xây nhà, đào móng vẫn chạm vào vô số vĩa xỉ than, xỉ sắt nung đã đông kết dày hàng mét. Nguyên cơ nào, động lực nào truyền sức mạnh cơ bắp và cả ý chí cho hàng nghìn lực sĩ Nho Lâm tạo ra hàng vạn sản phẩm cho bộ

đội Điện Biên Phủ thực hiện chiến thuật đào hào đánh lấn, xóa sổ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tôi lại ngược dòng lịch sử chống thực dân Pháp của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn hưởng ứng chiếu Cần Vương, khởi nghĩa chống Pháp từ năm 1885.

Không chỉ những người thợ đúc quặng sắt, thợ rèn tham gia nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn dựng cờ khởi nghĩa tại Động Thờ (huyện Yên Thành, Nghệ An), xây chiến lũy tại Thành Trại mà người thợ rèn Nho Lâm còn chuyển xưởng vào rừng Đại Vạc bí mật rèn dao, mác, kiếm, đúc cả súng hỏa mai bắn đạn chì cung cấp cho hàng vạn nghĩa quân đánh Pháp. Thực dân Pháp vây ráp, bắt bớ, khủng bố, đốt cháy làng Nho Lâm, triệt phá bệ rèn, giết hại thợ nhưng ý chí chống Pháp đến người cuối cùng của nhân dân Nho Lâm vẫn không lay chuyển. Từ lò rèn phân tán trong ngút ngàn cánh rừng Đại Vạc, Thần Vụ, Xuân Dương, lưỡi mác, mũi giáo sắc ngọt được phường Củi, phường Sơn Tràng giấu kín trong bó Củi, trong gánh Cỏ chuyển tới căn cứ nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn. Được thừa hưởng vóc dáng cao lớn của tiên nhân làm nghề đúc, rèn

hàng trăm năm, nghĩa quân làng rèn Nho Lâm, Thượng Rừng biết bao lần góp sức sản xuất vũ khí khiến thực dân Pháp bại trận tại Cầu Bùng, Văn Trai, Động Thờ, Động Đình.

Ông Vũ Đình Chi từng kể, thợ rèn Nho Lâm có sức vóc cao từ 1,5m đến 1,7m, nặng từ 70 đến 80kg, khi ăn “nồi bả quăng ra, nồi ba quăng vào”. Họ quai búa 15 giờ mỗi hiệp rèn, bởi thế trong vòng một tháng người của Hội đồng cung cấp tiền phương từ Thanh Hóa vào nhận hàng đã không khỏi ngỡ ngàng, hồ hởi khi tiếp nhận đủ cơ số xẻng, cuốc đạt tiêu chuẩn cho mặt trận.

Lại cũng huyện ủy Diễn Châu tổ chức đoàn dân công hỏa tuyến cùng dân công Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Nam Đàn nhận chuyển xẻng, cuốc tới tiền phương. Bí thư huyện ủy Vũ Đình Chi, huyện đội trưởng Cao Xuân Khuê chọn tuyển 500 thanh niên trai tráng, dùng xe đạp tải hàng ra mặt trận.

Phong trào “Mùa Đông binh sĩ”, “Hũ gạo nuôi quân kháng chiến”, “Áo ấm bộ đội” ở Nghệ An là nền tảng để động viên gia đình khá giả, thương gia ủng hộ 5.000 xe đạp loại tốt. Những chiếc xe đất tiền được gá lắp thêm tay ngai bằng thân tre già, gia công thêm vành xe bằng nan hoa gỗ, lắp thêm đèn gầm để tránh máy bay khi hành quân đêm. Câu ca tự thuở khởi thủy nghề đúc quặng, rèn nông cụ:

“Nho Lâm than quánh nặng nề

Sức em đang được thì về Nho Lâm”.

Khi chuyển hàng lên Điện Biên Phủ dân công thay lời mới:

“Nho Lâm rèn, đúc làng nghề

Hàng ra mặt trận sáng nghề Nho Lâm”.

Đoàn dân công chuyển 10.000 lưỡi xẻng được bọc kín bằng bẹ chuối, phủ đầy lá ngụy trang vượt đường 15, qua Thọ Xuân, Thạch Minh, ngược ngã ba Mãn Đức (Hòa Bình) lên suối Rút kịp giao hàng tại trạm hậu cần trung tuyến trước ngày toàn mặt trận mở đợt tấn công đợt 2 vào thượng tuần tháng 4 năm 1954. Ông Cao Xuân Khuê kể, đoàn dân công trên đường tới mặt trận đã được nghe thư động viên của Đại tướng - Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp gửi toàn thể anh chị em dân công phục vụ hỏa tuyến.

Ông còn nhớ lời của Đại tướng “Nhiệm vụ của anh chị em rất nặng nề và quan trọng. Nó đòi hỏi một tinh thần hy sinh dũng cảm, một tinh thần phục vụ bền bỉ dẻo dai cũng như tinh thần xung phong giết giặc của anh chị em chiến sĩ ở mặt trận...”. Ông Cao Xuân Khuê hồi tưởng lời động viên, kêu gọi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thôi thúc đoàn dân công Nghệ An vượt qua các tọa độ dày đặc bom, đạn đèo Khế, đèo Hút Gió, đèo Lũng Lô, đèo Pha Đin, ngã ba Cò Nòi, bến phà Tạ Khoa.

Mang theo tám huy hiệu Điện Biên Phủ, kỷ vật còn lại của người cha, tôi tới làng rèn Nho Lâm mong tìm lại những người thợ rèn năm 1953 - 1954 nhưng tất cả đã về thế giới người hiền. Thế hệ hôm nay vẫn còn nhớ kỷ tích rèn xẻng cho mặt trận Điện Biên Phủ của thế hệ cha ông đánh giặc. May mắn lớp trẻ hôm nay không quay lưng với chiến thắng hào hùng của dân tộc, của quân đội nhân dân anh hùng.

Riêng Đại tá Công an nhân dân Từ Ngọc Anh, ông Mai Ất, nguyên phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong Nghệ An, từng là chiến sĩ Thanh niên xung phong hỏa tuyến bám trụ ở ngã ba Cò Nòi, đèo Pha Đin vẫn còn khắc sâu tâm khảm khi được mở đường, san lấp hố bom trước cửa ngõ mặt trận Điện Biên Phủ.

Các ông không thể quên những chiếc xẻng, chiếc cuốc được rèn, đúc và chuyển gần 600km đường gian nan, bom đạn từ làng rèn Nho Lâm, Thượng Rừng tới Điện Biên Phủ góp phần làm nên chiến thắng chặn động địa cầu.

Văn Hiến - Nguyễn Duy

Theo <http://dantri.com.vn/>

Siết chặt "yết hầu" - sân bay Mường Thanh

Trung đoàn 36 chúng tôi cùng với đơn vị của Trung đoàn 88 thuộc Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ đánh, bao vây sân bay Mường Thanh. Đây là nhiệm vụ quan trọng của chiến dịch Trần Đình (mật danh của Chiến dịch Điện Biên Phủ) mà Đại đoàn 308 chúng tôi đảm nhiệm.



Bộ đội ta tiến công sân bay Mường Thanh.

Sân bay Mường Thanh được ví như "yết hầu", cổ họng lớn của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Hằng ngày có vài chục chuyến máy bay vận tải lớn C119 ở các sân bay Cát Bi (Hải Phòng), Gia Lâm (Hà Nội) tiếp tế, thả dù cho quân Pháp ở Điện Biên Phủ qua sân bay này. Nếu kìm chế được cầu hàng không thì ta sẽ ép quân Pháp vào tình thế khó khăn ở Điện Biên Phủ. Nhưng làm thế nào có thể "khóa" được "yết hầu" - sân bay Mường Thanh?

Bị mất các cụm cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo... địch ráo riết tăng cường lực lượng. Cùng với hỏa pháo hạng nặng, xe tăng trợ lực, chúng huy động các

đơn vị tinh nhuệ Âu - Phi trấn giữ những cứ điểm trọng yếu.

Cuộc chiến đấu giữa ta và địch ngày càng diễn ra căng thẳng. Tiếng đạn, bom và các hỏa lực của địch với tiếng pháo áp đảo của ta làm rung chuyển cả thung lũng Mường Thanh rộng lớn.

Với chiến thuật sáng tạo, đánh lần bằng cách dùng rơm cuộn thành những con dúi lớn để chắn đạn và đào dũi qua cả lớp hàng rào dây thép gai, mở chiến hào áp sát các cứ điểm địch mỗi đêm, cứ thế đơn vị chúng tôi từng bước, từng bước khép chặt vòng vây sân bay Mường Thanh. Với sự chi viện của hỏa pháo và xe tăng, ban ngày địch huy động hàng tiểu đoàn tinh nhuệ Âu - Phi, lê dương ra phản kích.

Quân ta cũng sử dụng các loại pháo bắn yểm trợ đẩy lùi chúng trở lại. Cả tháng trời ròn rã đánh lần, bao vây các cứ điểm chung quanh sân bay, ta và địch giằng co nhau từng tấc đất...

Nhớ những ngày ở Thái Nguyên chinh quân chính trị, xây dựng lập trường giai cấp, được xem phim Bạch Mao Nữ, nhiều anh em chúng tôi, nhất là những anh em ở nông thôn, khóc rung rức. Có anh thấy cảnh trên màn hình, người nông dân bị

bóc lột trước sự tàn ác của tên địa chủ Hoàng Thế Nhân, đã xông lên, cầm đá ném vào mặt tên địa chủ trên màn hình cho hả lòng căm thù. Giờ đây, trên chiến trường, khí thế "trả thù giai cấp" càng dội lên bùng bùng. Những người anh hùng trong phim "Cờ hồng trên núi Thúy" của Trung Quốc, "Thép đã tôi thế đấy", "Anh hùng Ma-tơ-rô-xốp"... của Liên Xô như thôi thúc các chiến sĩ ta thêm hăng hái xông trận "Lập công dâng Bác". Rồi tin ở hậu phương, Thanh Hóa, Thái Nguyên... tiến hành giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất, nhiều bà con nông dân được chia quả thực, phần khởi tăng gia sản xuất "Tất cả cho chiến trường", càng làm nức lòng các chiến sĩ. Sân bay Mường Thanh ngày càng bị bao vây thu hẹp bởi cách đào hào, đánh lán của ta.

Điện Biên Phủ lại đang trong mùa mưa, giao thông hào chỗ nào cũng có nước, phải lội bì bõm. Để giảm bớt người bị ngấm nước, nhiều đêm đi đánh lán, chúng tôi phải mặc quần đùi cho tiện. Tới sáng hôm sau, ai nấy mặt mũi lấm lem đầy bùn đất, chẳng ai nhận được ra ai, trông thật tức cười.

Đội A1 như lá thép trấn giữ trọng yếu cho trung tâm Chỉ huy sở của Đờ-cát-tơ-ri ở Điện Biên Phủ, cũng đã bị Đại đoàn 312 và Trung đoàn 102, đơn vị dự trữ chiến lược của Đại đoàn 308 tấn công quyết liệt. Ta và địch giằng nhau từng tấc đất. Máy bay của địch tiếp tế lương thực, đạn dược và quân số ngày càng gặp khó khăn bởi sân bay Mường Thanh đã bị quân ta khống chế. Có

ngày, số dù hàng tiếp tế cho Điện Biên Phủ qua sân bay Mường Thanh lạc ra ngoài tới một nửa. Cùng với số vũ khí, đạn dược "tăng cường" cho quân ta, chúng tôi lại có nguồn đồ hộp để "cải thiện" bữa ăn hằng ngày. Chúng tức điên cuồng đã dùng các loại máy bay oanh kích ném bom tràn lan về phía các trận địa của ta. Những nơi giáp ranh hầu như không lúc nào ngừng tiếng các loại súng "đổi đáp" giữa ta và địch. Đêm đêm, súng phun lửa của chúng lóe rực từng vệt dài như muốn thiêu trụi những ổ súng của ta. Ta phản kích, có nơi ta và địch phải đánh giáp lá cà. Cả chiến trường căng thẳng. Đơn vị tôi đã có tới ba, bốn đợt phải bổ sung quân. Có không ít người được bổ sung về đơn vị còn "chân ướt, chân ráo" đã phải làm quen ngay cách đánh bộc phá, chỉ ngày hôm sau đã được chúng tôi đưa đi đánh hàng rào dây thép gai cứ điểm địch. Có những người bổ sung vào đơn vị, chúng tôi chưa kịp nhớ mặt, mấy hôm sau đã hy sinh. Có những người "nằm xuống" trên trận địa, chúng tôi không ghi được tên bởi trong người anh không có mảnh giấy viết họ tên. Có anh mấy hôm trước khoe với tôi vừa nhận được tin ở quê, gia đình được chia quả thực và nhờ tôi viết hộ thư về cho vợ là rất nhớ con, nhớ vợ, thế mà... khi Trung đoàn 36 đánh vào cứ điểm 206, anh đã hy sinh. "Thòng lọng" giao thông hào của ta ngày càng thít chặt sân bay Mường Thanh, thì trận chiến giữa ta và địch càng thêm quyết liệt. Cứ điểm 311B đã hiển hiện trước

mắt, chỉ vài sợi tay trong sương mù của lòng chảo, làm chúng tôi thêm rạo rục. Như vậy, quân ta đã "bóc" tới các điểm chốt bọc sân bay Mường Thanh rồi...

Trong cuộc tấn công đợt 3, hầu như các đơn vị của Đại đoàn 308, 312, 316 và 304 cùng đồng loạt nổ súng đánh vào các cứ điểm A1, C1, Hồng Cúm...

Đại đoàn 308 được giao tiêu diệt các cứ điểm 311A, 311B ở phía tây và chặn không cho địch rút chạy sang Lào. Trung đoàn 36 chúng tôi được lệnh đánh vào cứ điểm 311B. Sau một loạt bộc phá phá hàng rào dây thép gai mở cửa khẩu, chúng tôi vượt chiến hào lao qua đợt phá khẩu, lúc một đợt pháo bắn chặn của địch vừa dứt. Bọn địch trong cứ điểm hốt hoảng khi chúng tôi ập tới. Có lẽ vì bị bao vây lâu ngày trong tình trạng chết chóc, thiếu thốn, ốm đau làm cho chúng sợ hãi, nên thấy quân ta, đưa nào, đưa nấy đều giơ tay hàng và cố lách người trong giao thông hào, vì đường hào của chúng rất hẹp. Chúng tôi phải nhảy lên mặt hào để nhường lối cho chúng. Còn một số tên địch cố thủ, chống cự, liền bị chúng tôi nổ súng "khóa" kịp thời, buộc chúng phải đầu hàng. Cùng với cứ điểm 311A bị các đơn vị của Trung đoàn 88 tiêu diệt gọn, cứ điểm 311B cũng đã bị

Trung đoàn 36 chúng tôi chiếm nốt. Sân bay Mường Thanh tê liệt.

...Cuộc chiến đấu giữa ta và địch trên chiến trường Điện Biên Phủ đang đến hồi kết. Ta đã làm chủ được bầu trời Điện Biên Phủ, triệt hẳn nguồn tiếp tế của máy bay địch qua sân bay Mường Thanh. Chỉ huy sở của Tướng Đờ-cát-tơ-ri chỉ còn cách ta vài trăm mét. Khoảng 21 giờ ngày 6-5-1954, một tiếng nổ lớn của một tấn thuốc nổ TNT phát ra từ lòng đồi A1, do công binh ta đánh, đã trở thành hiệu lệnh: Tổng công kích! Cuộc tấn công của ta nhanh chóng chuyển sang phía đông, trên đồi C1, 505A, 505B và đồi C khu Hồng Cúm, rồi 507, tiến vào trung tâm khu Mường Thanh... Ta và địch đang chọi nhau như bão lửa trên nhiều trận địa, bỗng cả chiến trường lặng hẳn đi.

Khoảng 16 giờ ngày 7-5-1954, lác đác ở một vài cứ điểm còn lại của địch xuất hiện những lá cờ trắng, rồi lan rất nhanh, tới 17 giờ thì cả lòng chảo Mường Thanh trắng xóa màu cờ xin hàng của địch. Đúng lúc đó, tin nhanh, toàn bộ Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn toàn bị thất thủ, Tướng Đờ-cát-tơ-ri và toàn bộ quân Pháp ở Mường Thanh đã đầu hàng.

NHU' ĐÀM - CCB, CSTĐ Đại đoàn 308
Theo báo nhân dân

Thắng lợi của đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện

QĐND - Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự tài tình, đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó, nội dung cơ bản là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện.



Lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Quân đội Nhân dân Việt Nam tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Cát.

Trong tư tưởng chỉ đạo kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân phải gắn với toàn diện. Để đánh bại chiến tranh tổng lực của kẻ thù, chúng ta phải dùng sức mạnh của toàn dân tộc, phải chú trọng xây dựng sức mạnh quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao..., trong đó, sức mạnh về quân sự có vai trò quyết định, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển; thực hiện khẩu hiệu: Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau nhưng cùng thống nhất

ở mục đích là tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi cuối cùng.

Mặt trận chính trị nhằm tuyên truyền, giáo dục, động viên chính trị sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, làm cho nhân dân hiểu rõ chủ trương, đường lối kháng chiến, kiến quốc; phát huy sức mạnh chính nghĩa của cuộc kháng chiến, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, lừa gạt và chia rẽ của địch, làm cho kẻ thù bị cô lập và suy yếu về chính trị, tạo thuận lợi cho các mặt đấu tranh khác. Suốt 9 năm kháng chiến, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sức mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất trên nền tảng khối liên minh công, nông và trí thức; chăm lo xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ của dân, do dân và vì dân, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới; tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến; kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở cả thành thị và nông thôn... Nhờ đó, Đảng ta đã quy tụ, tập hợp được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, động viên, phát huy cao độ lòng yêu nước, yêu chế độ của nhân dân vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, tạo ra khả năng to lớn để huy động sức người, sức của, chi viện ngày càng nhiều cho tiền tuyến.

Trên mặt trận kinh tế, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chăm lo, bồi dưỡng sức dân, coi đó là cơ sở, nền tảng để huy động

nhân tài, vật lực cho tiền tuyến. Suốt 9 năm kháng chiến, Đảng và Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm khuyến khích phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trong nhân dân; ban hành nhiều sắc lệnh giảm tô, giảm tức, xóa nợ, chia lại ruộng đất cho nông dân sản xuất; nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, coi trọng xây dựng nền kinh tế tự cung, tự cấp; vừa ra sức xây dựng nền kinh tế kháng chiến phục vụ những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, vừa phát triển công nghiệp quốc phòng chế tạo trang bị, vũ khí cho quân đội, đáp ứng những yêu cầu ngày càng lớn cho chiến trường. Đến năm 1953, khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết liệt, Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất. Cuộc cải cách ruộng đất đã tạo động lực mạnh mẽ, củng cố lòng tin, ý chí và quyết tâm của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, góp phần tăng cường sức mạnh vật chất, sức mạnh tinh thần cho kháng chiến; cổ vũ, động viên hàng vạn chiến sĩ cùng hàng chục vạn người đang phục vụ kháng chiến ngoài mặt trận.

Được Đảng và Chính phủ chăm lo về mọi mặt, nhân dân khắp mọi miền đất nước vừa tích cực tham gia kháng chiến, vừa tích cực sản xuất, đóng góp sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, với ý chí: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, đồng bào các dân tộc trong cả nước, đặc biệt là đồng bào Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 đã đóng góp hơn 260.000 dân công (khoảng 14 triệu ngày công), hơn 20.990 xe đạp thồ và hàng chục nghìn phương tiện vận chuyển thô sơ. Về bảo đảm vật chất, đồng bào đã đóng góp cho chiến dịch 25.056 tấn lương thực, 907 tấn thịt và hàng nghìn

tấn thực phẩm khác. Đó là kết quả tuyệt vời về huy động sức mạnh của nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trên mặt trận văn hóa-giáo dục, nhằm phục vụ kháng chiến, phục vụ đời sống của các tầng lớp nhân dân, Đảng chủ trương vừa đánh đổ văn hóa ngu dân, nô dịch, ngoại lai, phản động, vừa xây dựng nền văn hóa mới của nước Việt Nam độc lập theo ba nguyên tắc: Dân tộc, khoa học, đại chúng, tạo tiền đề và cơ sở để tiến lên xây dựng nền văn hóa mới, tiến bộ. Nền giáo dục mới không ngừng phát triển, đạt được mục tiêu là đào tạo con người mới, nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là xây dựng được đội ngũ cán bộ, trí thức có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật được đẩy mạnh, góp phần nâng cao tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, yêu chế độ mới, cổ vũ, động viên quân và dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đồng tâm, đồng sức cho chiến thắng. Trong 9 năm kháng chiến, nhất là trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, mặt trận văn hóa đã có những đóng góp xứng đáng.

Trên mặt trận quân sự, để động viên toàn dân thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng thế trận “cả nước đánh giặc” với khẩu hiệu “mỗi người dân là một chiến sĩ”, “mỗi làng xóm là một pháo đài”... Lực lượng dân công, dân công hỏa tuyến, thanh niên xung phong được tổ chức thành các đơn vị vừa chiến đấu, vừa bảo đảm giao thông vận tải, tham gia phục vụ các trận đánh, chiến dịch.

Thực hiện chủ trương động viên toàn dân, vũ trang toàn dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tổ chức lực lượng vũ trang truyền thống của dân tộc

đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển, nâng cao về chất trong tổ chức ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, tự vệ. Mỗi thứ quân được xác định chức năng, nhiệm vụ, vai trò riêng, nhưng lại có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Sự hỗ trợ giữa ba thứ quân chính là sự phối hợp giữa lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp. Cách tổ chức ba thứ quân thể hiện đậm nét tính chất toàn dân của LLVT do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và lãnh đạo.

Thế trận toàn dân đánh giặc, lấy LLVT làm nòng cốt của ta phát triển ngày càng vững chắc, rộng khắp, khiến đội quân xâm lược không chỉ phải đối mặt với bộ đội chủ lực mà còn phải đối diện với thế trận toàn dân đánh giặc, đi đến đâu cũng bị đánh, lực lượng bị hao mòn, ý chí chiến đấu giảm sút. Tướng Na-va đã phải thừa nhận: “Quân viễn chinh Pháp không những phải chống chọi với một đội quân chính quy mà còn phải đương đầu với cả một dân tộc”[1]

Đi đôi với dùng sức mạnh quân sự, tiêu diệt địch trên chiến trường, công tác binh vận đã góp phần làm cho nhân dân, binh lính địch hiểu rõ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta, thấy được sự phi nghĩa, vô nhân đạo của cuộc chiến tranh xâm lược mà thực dân Pháp đang tiến hành. Nhờ đó đã góp phần làm tan rã hàng ngũ địch, hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

Phối hợp với đấu tranh quân sự, trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tạo mặt trận đoàn kết nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa

của nhân dân Việt Nam, đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Ngày 21-7-1954, các văn kiện của Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân về nước, phải công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Do sớm đề ra và tổ chức thực hiện thành công đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, Đảng ta đã khơi dậy, phát huy được tinh thần yêu nước, tính năng động, sáng tạo của nhân dân trên các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa...; quy tụ, tập hợp được sức mạnh to lớn của nhân dân từ Bắc đến Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ thành thị đến nông thôn, từ vùng tự do đến vùng tạm bị chiếm; từ hậu phương đến tiền tuyến...; phát huy được sức mạnh của các yếu tố nội lực, truyền thống và con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường của toàn dân tộc.

Thắng lợi của ta trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ đã khẳng định, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đường lối đó đã được lịch sử hai cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc và thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN kiểm nghiệm, chứng minh là hoàn toàn đúng đắn, vẫn còn nguyên giá trị lý luận, thực tiễn trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

TRẦN ANH TUẤN

LÊ MẠNH TIẾN

Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

KÝ ỨC VỀ CÂY CẦU “TIẾN QUÂN LỊCH SỬ” TRÊN DÒNG NẬM RỒM

Những ngày cuối tháng 4 lịch sử này, từ khắp nơi trong cả nước, khách du lịch nườm nượp cùng nhau lên thành phố Điện Biên Phủ. Sau một chặng dài “Đường ta rộng thênh thang ta bước”, Quốc lộ 6 trải dài trong sắc trắng hoa ban, đưa du khách về với với những ký ức hào hùng. Đây Cò Nòi, đây Pha Đin, Nà Tấu, Nà Nhạn... con đường kéo pháo như còn vọng về tiếng “hò dô” trầm hùng của chiến sĩ... Mảnh đất Điện Biên nay lại được dịp trải lòng mình với du khách, qua những hoạt động thiết thực ý nghĩa trên lĩnh vực đời sống văn hóa - xã hội.



Bộ đội ta tiến đánh hầm Đờ-cát. Ảnh: baocaobang.vn.

Với khách du lịch là các cựu chiến binh Điện Biên Phủ, sau khi “gặp lại đồng đội cũ” tại Nghĩa trang A1, thăm lại Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng, Di tích hầm Đờ Cát-tơ-ri hay Di tích hận thù Noong Nhai, Sân bay Mường Thanh... thì hầu hết du khách đều trở lại thăm cây cầu “tiến quân lịch sử” – Cầu Mường Thanh, được bắc qua sông Nậm Rốm, ở địa điểm cách ngã 3 đường 279 khoảng 300m. Đây chính là một công trình quân sự do quân Pháp xây dựng nhằm phục vụ cho việc liên lạc và vận chuyển vũ khí đạn dược...từ Trung tâm tập đoàn cứ điểm (Hầm Đờ Cát) với các cụm cứ điểm trên dãy đồi phía Đông, Đông Bắc. Tuy nhiên quân Pháp không ngờ rằng, cây cầu này cũng chính là con đường dẫn đến sự “đại bại” sau này.

Trong đoàn Cựu chiến binh về thăm lại Điện Biên, ông Giáp Lê Thìn (sinh 1932), cựu chiến binh Điện Biên Phủ, hiện sinh sống ở thành phố Bắc Giang không giấu nổi xúc động khi trở lại thăm cây cầu Mường Thanh. Ông kể: “17 giờ 30 ngày 7/5/1954, tôi cùng đồng đội chạy từ đồi E qua cầu Mường Thanh xuống thì được chứng kiến Tướng Đờ Cát-tơ-ri và toàn thể Bộ tham mưu của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt sống. Gần 1 vạn tên xâm lược giơ cao cờ trắng xin hàng... Lúc bấy giờ tôi thấy bộ đội ta đang reo hò, thu vũ khí của địch... Đã 60 năm trôi qua, mảnh đất Điện Biên đã thay đổi rất nhiều, giàu đẹp hơn và văn minh hơn, tôi vô cùng tự hào vì đã cùng đồng đội góp sức vào sự thay đổi ấy. Nhất là khi được trở lại cây cầu Mường Thanh, những ký ức hào hùng lại hiện lên trong tôi mà có lẽ trong suốt cuộc đời này tôi không thể nào quên được...”

“Ước mơ hảo huyền” giữa lòng chảo Mường Thanh

Ngày 20-11-1953, thực hiện kế hoạch Nava (Navare), “cha đẻ” của kế hoạch quân sự Nava -

Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã cho 150 chuyến máy bay chở 4.000 quân nhảy dù xuống vùng lòng chảo Mường Thanh. Những ngày cuối tháng 11 năm đó, Báo chí Pháp ở các nước thuộc địa và chính quốc đều huyên hoang về “Trận mưa dù xuống Điện Biên Phủ”, bản thân tướng Nava cũng đã tuyên bố rất...ngoa: “Tôi sẽ nắm quyền chủ động, tôi sẽ giữ vững quyền chủ động”. Thế rồi Nava cho xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương gồm 3 phân khu, 8 cụm và 49 cứ điểm. Mỗi cụm đều mang tên những thiếu nữ xinh đẹp của nước Pháp, mỗi cứ điểm đều có giao thông hào nối với hầm chỉ huy, hầm ngủ, hầm đạn. Hỏa lực yểm hộ có 28 khẩu pháo hạng nặng loại 155 mm và 105 mm. Tính bình quân mỗi cứ điểm được bố trí 4 đại liên, 45 tiểu liên, 9 trung liên, 9 súng phóng lựu đạn, 2 súng cối 60, 1 pháo không giật 57mm và ở các cứ điểm quan trọng được trang bị súng phun lửa và súng hồng ngoại tuyến để bắn ban đêm.

Tại thung lũng Mường Thanh, Quân đội viễn chinh Pháp cho xây dựng 2 sân bay dã chiến với 14 máy bay thường trực, 7 máy bay khu trục, 6 máy bay trinh thám, 1 máy bay lên thẳng và còn có 10 xe tăng loại 18 tấn, 120 xe vận tải. Số lượng quân Pháp đóng ở Điện Biên Phủ lên đến 16.200 tên và chúng huyên hoang về hệ thống phòng ngự mạnh nhất. Ngay cả trong Đại chiến thế giới thứ 2, quân Pháp cũng chưa từng dựng lên “một hệ thống phòng ngự dã chiến lớn mạnh như ở Điện Biên Phủ” và Điện Biên Phủ được coi là một pháo đài bất khả xâm phạm. Tướng Đờ Cát-tơ-ri đã cho binh lính Pháp rải truyền đơn khắp nơi thách thức quân Việt Minh tấn công

Cây cầu dẫn đến “Kịch bản buồn” của Đờ Cát

Do địa hình Điện Biên Phủ lọt giữa một lòng chảo rộng, xung quanh là núi cao bao bọc ở trận địa trung tâm lại có dòng sông chảy qua chia cắt, nên việc giao thông liên lạc từ Sở chỉ huy trung tâm (Hầm Đờ Cát) với các cụm cứ điểm trên dãy đồi phía Đông, Đông Bắc gặp nhiều khó khăn. Giải quyết những khó khăn này, quân Pháp đã cho xây dựng cầu Mường Thanh, vắt ngang sông Nậm Rốm. Là cây cầu dã chiến bằng chất liệu sắt, làm sẵn và vận chuyển bằng máy bay từ “nước mẹ Đại Pháp” sang lắp ráp tại Điện Biên. Toàn bộ cây cầu dài 40 mét, rộng 5 mét, hai bên thành cầu là những thanh sắt chống đỡ

giản đơn không có trục giữa, sàn cầu lát bằng gỗ, dưới là những thanh dầm cũng bằng sắt được liên kết với nhau rất chắc chắn, đảm bảo tải trọng cho phép từ 8 đến 15 tấn. Để bảo vệ cây cầu huyết mạch này, quân Pháp cho bố trí các cứ điểm 507, 508 và 509 bên đầu cầu phía Đông, còn đầu phía Tây, chúng bố trí 1 ổ đại liên 4 nòng án ngữ. Với cách bố trí lực lượng như vậy, Đờ Cát hy vọng sẽ giữ vững được cây cầu, đồng nghĩa với việc giữ vững được cửa ngõ tiếp viện cho các cụm cao điểm phía Đông, Đông Bắc tập đoàn cứ điểm.

Khi chiến sự chưa diễn ra, cầu Mường Thanh là đường vận chuyển nguyên vật liệu, đạn dược, dây thép gai phục vụ cho việc xây dựng các điểm phòng ngự ở phía Đông và phân khu phía Bắc của quân đội viễn chinh Pháp. Khi quân ta tiêu diệt trung tâm đề kháng Him Lam, quân Pháp đã sử dụng cây cầu này cho xe cứu thương lên nhận tù binh ở Trung tâm đề kháng Him Lam và cũng từ đây xe tăng của Pháp đã xuất phát lên tăng cường cho cứ điểm A1 vào đêm 31-3-1954. Trong đợt tổng công kích tấn công tiêu diệt toàn bộ các cao điểm phía Đông vào rạng sáng ngày 7-5-1954 quân ta đã tiêu diệt toàn bộ cứ điểm A1

bằng sức mạnh của “bộc phá ngàn cân”. Đến 14 giờ cùng ngày, Trung đoàn 209 đại đoàn 312 mở cuộc tấn công cứ điểm 507 ở đầu cầu Mường Thanh. Địch ở cứ điểm này kéo cờ trắng ra hàng. Đại đoàn 312 thừa thắng xông lên, tấn công và tiêu diệt tiếp 2 cứ điểm 508 và 509 ở tả ngạn sông Nậm Rốm. Từ hướng Đông trung đoàn 209 cùng với Trung đoàn 98, 174 áp sát vào khu trung tâm Mường Thanh. Ở phía Tây, trung đoàn 36 cũng tiến vào các cứ điểm cuối cùng che chắn cho sở chỉ huy; Trung đoàn 88 mở đường qua sân bay, tiến thẳng vào sào huyệt cuối cùng của Gônô. Quân ta đánh tới đâu, cờ trắng của địch xuất hiện tới đó, nhiều toán địch từ các cứ điểm, chiến hào lũ lượt kéo ra nộp vũ khí đầu hàng.

17 giờ 15 phút ngày 7-5-1954, cánh quân của đại đoàn 312 tiến sát vào sở chỉ huy của địch. Trung đội trưởng Chu Bá Thệ phát hiện trên hầm Đờ Cát có cờ trắng, đại đội trưởng Tạ Quốc Luật dẫn đầu tổ xung kích tiến thẳng vào khu trung tâm, trên đường tiến công bị hỏa lực của trọng liên 4 nòng bảo vệ cầu Mường Thanh bắn ra chặn đường tiến công của quân ta. Các chiến sĩ đã không quản hy sinh, dũng cảm chiến đấu, nhanh chóng dập tắt hỏa điểm trọng liên 4 nòng của địch và vượt qua làn đạn dày đặc tiến lên. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật cùng các chiến sĩ vượt qua cầu Mường Thanh tiến thẳng vào sở chỉ huy địch, bắt sống tướng Đờ Cát và Bộ tham mưu của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Đúng 17 giờ 30 phút ngày 7-5-1954, lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” của quân ta đã tung bay trên nóc hầm tường Đờ Cát, kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ - Chiến thắng lớn nhất trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Một chiến thắng lừng lẫy nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Chiến thắng Điện Biên Phủ diễn ra nhanh chóng như một “kịch bản buồn” đã định sẵn cho quân Pháp, nguyên nhân cũng một phần cũng tại cây cầu Mường Thanh.

Mãi là cây cầu “tiến quân lịch sử”

Là một trong những người trực tiếp được giao nhiệm vụ bắn chặn ở đầu cầu Mường Thanh, cựu chiến binh Nguyễn Hữu Chấp ở phường Him Lam, thành phố Điện Biên kể lại: “Quân Pháp đã làm một chiếc cầu phao gỗ để phòng khi ta bắn hỏng cầu Mường Thanh. Nhưng khi chiếc cầu phao bị quân ta phá hỏng trước thì cầu Mường

Thanh trở thành cuống họng của chúng... Lúc bấy giờ, thiếu thốn đủ thứ, nhưng với tinh thần của người lính Cụ Hồ, tôi đã cùng đồng đội vượt qua mọi khó khăn để chiến đấu quyết không để kẻ địch tràn sang... Hàng năm, cứ vào dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, anh em cựu chiến binh chúng tôi ở các tỉnh khác nhau lại tụ họp, cùng nhau ôn lại những kỷ niệm, nhớ về một thời chiến đấu oanh liệt năm xưa ngay trên chính chiếc cầu lịch sử này...”

Gần 6 thập kỷ trôi qua, dòng Nậm Rốm đã có thêm 2 cây cầu lớn là cầu Thanh Bình và cầu A1, còn cầu Mường Thanh chỉ dành cho xe đạp, xe máy và người đi bộ. Một bên đầu cầu là khu chợ xanh Mường Thanh, hàng ngày tấp nập đồng bào địa phương bày bán các loại nông, thổ sản của Điện Biên, và là một trong những địa điểm để du khách tìm hiểu về hàng hóa sản xuất tại địa phương, hay các sản phẩm lưu niệm. Nhưng cầu Mường Thanh nay vẫn giữ nguyên gốc như khi mới khởi dựng, yên bình bắc qua sông Nậm Rốm nói liền thời khắc lịch sử với hiện tại... và mãi là cây cầu “tiến quân lịch sử” của quân và dân ta.

Theo TTXVN